

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC THÍCH ỨNG CỦA THANH NIÊN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH KIÊN GIANG

Trần Thanh Dũng¹ và Nguyễn Ngọc Đệ²

¹Khoa Phát triển Nông thôn, Trường Đại học Cần Thơ

²Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 13/10/2015

Ngày chấp nhận: 26/07/2016

Title:

Evaluating adaptability of the youth in constructing new rural villages in Kien Giang province

Từ khóa:

Khả năng thích ứng, nông thôn mới

Keywords:

Adaptability, new rural villages

ABSTRACT

The research is about the adaptability roles of rural youths in constructing new rural villages in Kien Giang province. The research data were collected from conditioned-random interviews of 300 rural youths in Kien Giang province from 2013 to 2015. The methods of descriptive statistics, linear regression, logistic regression and SWOT matrix were applied.

The research results showed that youth's adaptability was not high in general but varied among group divisions, the better in family's wealth the better in adaptability. The youth's awareness and attitude towards the new rural areas was not as good as expected. Moreover, the factors affecting the youth's income and their adaptability to service industries include, some not all, the youth's age, participation into cooperatives, family finance, apprenticeship, job information, qualifications and work experiences. Some solutions were proposed about propaganda, labor, employment, economic activity... in order to enhance the youth's adaptability in constructing new rural villages.

TÓM TẮT

Nghiên cứu khả năng thích ứng của thanh niên nông thôn tỉnh Kiên Giang là rất quan trọng nhằm nâng cao vai trò của thanh niên trong xây dựng nông thôn mới. Đề tài được thực hiện năm 2013 –2015 với 300 thanh niên nông thôn tỉnh Kiên Giang được phỏng vấn phi ngẫu nhiên và được đánh giá thông qua các công cụ phân tích thống kê như: thống kê mô tả, hồi quy tuyến tính, hồi quy Logistic và ma trận SWOT.

Kết quả nghiên cứu cho thấy: Khả năng thích ứng của thanh niên là chưa cao, nhưng trong đó xét về mặt nhóm hộ thì nhóm thanh niên có gia đình khá giàu luôn ở mức tốt, kể đến là nhóm trung bình, nhóm hộ nghèo có mức thích ứng thấp nhất. Nghiên cứu thấy được thái độ của thanh niên đối với nông thôn mới và các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập và khả năng thích ứng về công nghiệp dịch vụ của thanh niên là tuổi, tham gia HTX/THT, làm ruộng, tài chính gia đình, đang đi học, nội trợ, tham gia học nghề, hộ giàu khá, thông tin việc làm, trình độ và kinh nghiệm làm việc. Qua kết quả phân tích, tác giả đã đề xuất các giải pháp về tuyên truyền nông thôn mới, lao động, việc làm, hoạt động kinh tế thanh niên... nhằm nâng cao khả năng thích ứng của thanh niên trong xây dựng nông thôn mới.

Trích dẫn: Trần Thanh Dũng và Nguyễn Ngọc Đệ, 2016. Đánh giá năng lực thích ứng của thanh niên trong xây dựng nông thôn mới tỉnh Kiên Giang. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 44d: 137-145.

1 GIỚI THIỆU

Xây dựng nông thôn mới được nêu ra trong Nghị quyết 26 và cụ thể hóa thực hiện theo Quyết định 491/TTg về ban hành bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới và Quyết định 800/TTg về ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020. Quyết định 491 đưa ra 05 nhóm tiêu chí chính trong xây dựng nông thôn mới: quy hoạch, hạ tầng kinh tế - xã hội, kinh tế và cơ cấu kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường và hệ thống tổ chức chính trị. Trong bối cảnh thay đổi này, các quyết định của Nhà nước không đặt nhiều trọng tâm vào các nghiên cứu cơ bản, ngoài trừ nghiên cứu về điều kiện đáp ứng của các tiêu chí xây dựng nông thôn mới đặc biệt là năng lực thích ứng của người dân trước những thay đổi của xã hội nhằm đề ra những chiến lược sinh kế bền vững cho người dân nông thôn.

Kiên Giang là một tỉnh có cơ cấu dân số trẻ, lực lượng thanh niên chiếm đến 28,8% dân số và 57% lực lượng lao động toàn tỉnh, trong đó thanh niên nông thôn chiếm đến 76,4% lực lượng thanh niên. Đề phát huy hơn nữa vai trò của thanh niên trong xây dựng nông thôn mới, vào ngày 16 tháng 02 năm 2012, tỉnh đoàn Kiên Giang và Sở NN&PTNT đã thống nhất ban hành chương trình phối hợp về phát huy vai trò xung kích, tình nguyện của thanh niên tham gia phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 dựa trên kế hoạch 12/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành vào ngày 10/3/2011 về lập quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 và kế hoạch số 308-KH/TWĐTN về vai trò của thanh niên trong xây dựng nông thôn mới.

Xây dựng nông thôn mới là một định hướng quan trọng mà Đảng và Nhà nước ta đã và đang theo đuổi nhằm thay đổi toàn diện bộ mặt của nông thôn và cũng là một xu thế tất yếu. Mặc dù sự thay đổi trong xây dựng nông thôn mới là được hoạch định trước nhưng vẫn còn rất ít các nghiên cứu cơ bản trước khi thực hiện để đáp ứng các nhu cầu thực tế, thiếu tính toàn diện và tương tác giữa yếu tố nội tại và ngoài biên để đề ra các giải pháp nhằm tối thiểu hóa tính dễ bị tổn thương hay tối đa hóa năng lực thích ứng. Vì thế đề tài **“Đánh giá năng lực thích ứng của thanh niên trong xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Kiên Giang”** được thực hiện nhằm đánh giá khả năng thích ứng của thanh niên theo năm nguồn vốn sinh kế, giúp nhà quản lý có chính sách nâng cao vai trò của thanh niên trong xây dựng nông thôn mới.

2 PHƯƠNG PHÁP

2.1 Đối tượng và địa bàn nghiên cứu

Dưới sự hỗ trợ của cán bộ địa phương, mẫu quan sát của đề tài được thu thập phi ngẫu nhiên với 300 thanh niên trong độ tuổi từ 18 đến 30 và phân tầng theo gia đình giàu khá, trung bình và nghèo; trên 3 xã có mức hoàn thành tiêu chí xây dựng nông thôn mới khác nhau: xã Thạnh Đông huyện Tân Hiệp đại diện cho xã thực hiện nhiều tiêu chí, xã Mỹ Lâm huyện Hòn Đất đại diện cho xã có số tiêu chí hoàn thành ở mức trung bình và xã Vĩnh Hòa huyện U Minh Thượng đại diện cho xã có ít tiêu chí được hoàn thành.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

2.2.1 Thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp được thu thập từ báo cáo tổng kết của chương trình xây dựng nông thôn mới và báo cáo tổng kết hoạt động Đoàn và phong trào thanh niên cấp tỉnh, huyện và xã vùng nghiên cứu năm 2013.

Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua điều tra 300 thanh niên, ứng với mỗi xã nêu trên là 100 thanh niên, bằng phiếu điều tra được sử dụng để thu thập thông tin liên quan đến nguồn lực của thanh niên và xây dựng nông thôn mới. Đề tài còn phỏng vấn 30 chuyên gia các cấp am hiểu về nông thôn mới để xác định các giải pháp thích ứng cho thanh niên.

2.2.2 Phương pháp phân tích

Theo nhận định của chính quyền địa phương thì mức độ thích ứng của thanh niên trong xây dựng nông thôn mới có ảnh hưởng rất nhiều bởi điều kiện gia đình của thanh niên. Vì vậy, đề tài phân tích trên cơ sở phân chia 3 nhóm: nhóm thanh niên có gia đình giàu khá; gia đình trung bình và gia đình nghèo, cận nghèo. Sự phân chia nhóm được dựa vào nhận định của cán bộ tại địa phương phân loại.

Đề tài sử dụng phương pháp thống kê mô tả, hồi quy tuyến tính để đánh giá thực trạng năng lực thích ứng và nhận ra các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của thanh niên. Mô hình hồi quy Logistic để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thích ứng công nghiệp và dịch vụ của thanh niên trong xây dựng nông thôn mới. Nhóm nghiên cứu dùng thang đo Likert để đo lường sự thích ứng của thanh niên từ thấp đến cao theo năm mức độ từ 1 đến 5 (trong đó 1 là thấp nhất, 3 là trung bình, 5 là cao nhất). Bên cạnh đó, đề tài còn sử dụng công cụ phân tích SWOT để tìm mặt mạnh, yếu, cơ hội và

thách thức cho thanh niên trước bối cảnh mới của xã hội.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Hiện trạng thích ứng của thanh niên về vốn sinh kế

Điều kiện gia đình ảnh hưởng rất lớn đối với sự thích ứng của thanh niên. Vì thế, phân tích theo kinh tế hộ bao gồm thanh niên thuộc gia đình giàu khá, trung bình và nghèo (nhận định này theo cán bộ địa phương phân loại); và sự thích ứng được đánh giá dựa vào thang đo Likert với năm mức độ từ thấp đến cao, trong đó 1 là không thích ứng, 3 thích ứng ở mức trung bình, 5 là thích ứng cao nhất.

Bảng 1: Khả năng thích ứng về vốn con người của thanh niên

(1 là thấp nhất, 5 là cao nhất)

Vốn con người	Khá, giàu	Trung bình	Nghèo	Tổng thể	P
Đào tạo nghề công nghiệp	2,2	2,2	1,9	2,2	0,28
Kinh nghiệm làm việc công nghiệp	1,8 ^{ab}	2,0 ^a	1,6 ^b	1,9	0,04
Trình độ học vấn	3,1 ^a	2,6 ^b	2,3 ^b	2,7	0,00
Giao tiếp	3,2 ^a	2,9 ^{ab}	2,7 ^b	2,9	0,01
Ngoại ngữ	1,6	1,5	1,4	1,5	0,32
Tin học	2,4 ^a	1,9 ^b	1,5 ^b	2,0	0,00
Lao động chính gia đình	3,4	3,2	3,2	3,2	0,32
Kiến thức xã hội	3,0 ^a	2,7 ^a	2,2 ^b	2,7	0,00
Trung bình	2,6 ^a	2,4 ^a	2,1 ^b	2,3	0,00

Nhìn chung, khả năng thích ứng về vốn con người của thanh niên còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội nông thôn mới. Cần chú ý quan tâm các tiêu chí về đào tạo nghề, khả năng làm việc công nghiệp, trình độ ngoại ngữ và tin học; đặc biệt chú trọng hơn đối với hộ có hoàn cảnh khó khăn.

3.1.2 Về vốn tài chính

Cũng tương tự nguồn vốn con người, nguồn

Bảng 2: Khả năng thích ứng về vốn tài chính của thanh niên

(1 là thấp nhất, 5 là cao nhất)

Vốn tài chính	Giàu, khá	Trung bình	Nghèo	Tổng thể	P
Đa dạng thu nhập	2,8 ^a	2,4 ^{ab}	2,0 ^b	2,5	0,00
Ổn định thu nhập	3,4 ^a	2,9 ^b	2,1 ^c	2,9	0,00
Tiếp cận tín dụng	2,9 ^a	2,6 ^a	2,1 ^b	2,6	0,01
Thu nhập bình quân	3,0 ^a	2,5 ^b	2,3 ^b	2,6	0,00
Trung bình	3,0 ^a	2,6 ^b	2,1 ^c	2,6	0,00

3.1.3 Về vốn tự nhiên

Nguồn vốn tự nhiên của thanh niên còn quá thấp (2,2). Trong đó nhóm hộ giàu khá có mức thích ứng cao nhất cũng chỉ 2,7; nhóm hộ trung bình và nghèo có mức thích ứng thấp chỉ với 2,3 và 1,6. Ngoại trừ tiêu chí về ổn định lúa/quy hoạch là

3.1.1 Về vốn con người

Khả năng thích ứng của thanh niên ở tiêu chí này ở mức dưới trung bình (2,3). Đáng chú ý nhất là khả năng ngoại ngữ (1,5), khả năng tin học (2,0), kinh nghiệm làm việc công nghiệp (1,9), đào tạo nghề nghiệp công nghiệp (2,2). Ở các tiêu chí đó, thanh niên ở các nhóm hộ đều có mức thích ứng dưới mức trung bình. Khả năng thích ứng của thanh niên giữa các nhóm hộ là khác nhau. Những hộ giàu khá (2,6) và trung bình (2,4) thì có khả năng thích ứng cao hơn những hộ nghèo (2,1) và sự khác biệt này rất có ý nghĩa thống kê ($P=0,00$); sự khác biệt này thể hiện rõ ở từng tiêu chí về kinh nghiệm làm việc công nghiệp, trình độ học vấn, giao tiếp, tin học và kiến thức xã hội.

vốn tài chính của thanh niên còn thấp (chỉ ở mức 2,6). Tuy nhiên, nhóm thanh niên thuộc gia đình giàu, khá có mức thích ứng tương đối tốt (mức trung bình là 3,0); thanh niên nhóm hộ trung bình (trung bình 2,6) và nhóm hộ nghèo có mức thích ứng rất thấp (trung bình 2,1). Vì thế, cần có chính sách hỗ trợ vốn từ nhiều nguồn, giúp thanh niên hộ nghèo và trung bình lập nghiệp, phát triển kinh tế.

cao (3,1); các tiêu chí còn lại đều ở mức thấp. Đa số các hộ dân nông thôn Kiên Giang thường trồng lúa thuần canh nên mức đa dạng về cơ cấu sử dụng đất rất thấp chỉ ở mức 1,5 và mặc dù có sự khác biệt có ý nghĩa nhưng các nhóm hộ đều có mức thích ứng dưới mức trung bình. Về diện tích đất lúa và diện tích đất/người có sự tập trung ở những hộ

giàu khá nên mức thích ứng của hộ cao hơn mức trung bình; đáng chú ý nhất là hộ nghèo chỉ thích ứng ở mức 1,4 và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê. Vì vậy đòi hỏi thanh niên nông thôn đặc

biệt là nhóm hộ nghèo cần thiết phải chuyển dịch cơ cấu nghề nghiệp để ngày một thích ứng hơn trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

Bảng 3: Khả năng thích ứng về vốn tự nhiên của thanh niên theo nhóm hộ

(1 là thấp nhất, 5 là cao nhất)

Vốn tự nhiên	Giàu, khá	Trung bình	Nghèo	Tổng thể	P
Diện tích lúa	2,7 ^a	2,2 ^b	1,4 ^c	2,2	0,00
Đa dạng cơ cấu sử dụng đất	1,9 ^a	1,5 ^b	1,3 ^b	1,5	0,00
Diện tích đất/người	2,7 ^a	2,0 ^b	1,4 ^c	2,1	0,00
Ổn định lúa/quy hoạch	3,4 ^a	3,3 ^a	2,2 ^b	3,1	0,00
Trung bình	2,7 ^a	2,3 ^b	1,6 ^c	2,2	0,00

3.1.4 Về vốn vật chất

Khả năng thích ứng về vốn vật chất của thanh niên Kiên Giang còn rất thấp chưa tới mức 2 ngoại trừ vốn vật chất phục vụ nông nghiệp. Tuy nhiên, như đã phân tích ở phần trên đa số nông hộ có quy mô nhỏ, lẽ nên việc đầu tư vốn vật chất phục vụ nông nghiệp mặc dù là cao nhất trong các tiêu chí vốn vật chất nhưng cũng chỉ ở mức 2,3. Các nhóm

hộ có sự thích ứng khác nhau có ý nghĩa nhưng cũng chỉ có tiêu chí vốn vật chất phục vụ nông nghiệp ở nhóm hộ giàu khá là trên mức trung bình với 2,9; còn lại đều dưới mức 2,5. Qua kết quả cho thấy kinh tế nông hộ tỉnh Kiên Giang chưa có sự đi sâu vào chuyên môn hóa cao nên chưa thực sự có sự đầu tư về ngành nghề của mình.

Bảng 4: Khả năng thích ứng về vốn vật chất của thanh niên theo nhóm hộ

(1 là thấp nhất, 5 là cao nhất)

Vốn vật chất	Giàu, khá	Trung bình	Nghèo	Tổng thể	P
Phục vụ nông nghiệp	2,9 ^a	2,2 ^b	1,5 ^c	2,3	0,00
Phục vụ thuê phi nông nghiệp	1,3	1,2	1,2	1,2	0,32
Phục vụ thuê nông nghiệp	1,5 ^a	1,3 ^{ab}	1,2 ^b	1,4	0,07
Phục vụ kinh doanh	2,3 ^a	1,6 ^b	1,3 ^b	1,7	0,00
Phục vụ khác	2,1 ^a	1,6 ^b	1,5 ^b	1,7	0,00
Trung bình	2,3 ^a	1,7 ^b	1,3 ^c	1,8	0,00

3.1.5 Về vốn xã hội

Trong những thanh niên được phỏng vấn, khả năng thích ứng về vốn xã hội ở mức thấp, chỉ 2,0. Trong đó, nhóm hộ khá giàu có mức thích ứng cao nhất cũng chỉ ở mức 2,3; thích ứng kế tiếp là nhóm hộ trung bình ở mức 2,0 và cao hơn rất có ý nghĩa

đối với mức thích ứng của nhóm hộ nghèo là 1,6 (P=0,00). Giữa các nhóm hộ đều có sự khác nhau có ý nghĩa về các tiêu chí, trong đó nhóm hộ giàu khá có khả năng thích ứng ở tiêu chí quan hệ tổ chức cá nhân làm trong công nghiệp là 2,7; còn lại đều ở mức dưới trung bình.

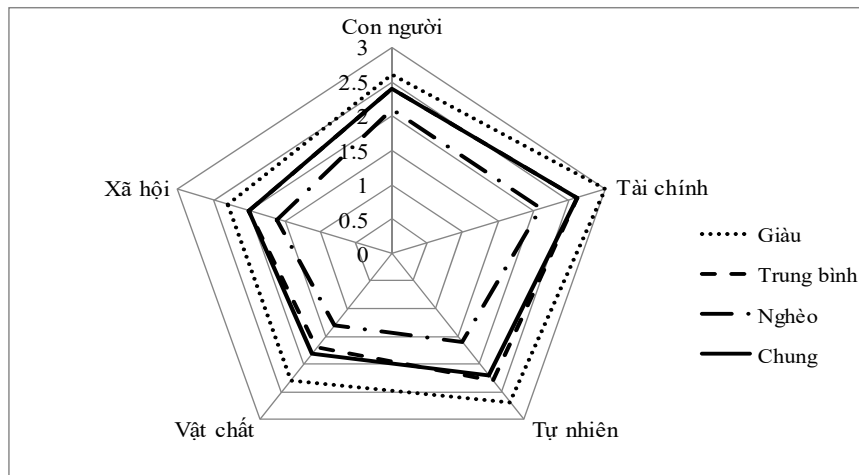
Bảng 5: Khả năng thích ứng về vốn xã hội của thanh niên theo nhóm hộ

(1 là thấp nhất, 5 là cao nhất)

Vốn xã hội	Giàu, khá	Trung bình	Nghèo	Tổng thể	P
Tham gia tổ chức NN	1,9	1,8	1,4	1,8	0,02
Quan hệ tổ chức công nghiệp	2,7	2,2	1,9	2,3	0,00
Trung bình	2,3	2,0	1,6	2,0	0,00

Nhìn chung, khả năng thích ứng của thanh niên trong xây dựng nông thôn mới còn rất thấp. Các nguồn vốn như vốn con người, vốn tài chính, vốn tự nhiên, vốn vật chất, và vốn xã hội đều dưới

trung bình. Trong đó, đặc biệt cần quan tâm đến khả năng thích ứng của nhóm hộ nghèo, khó khăn là có mức thích ứng thấp nhất.



Hình 1: Biểu đồ thể hiện khả năng thích ứng của thanh niên theo năm nguồn vốn sinh kế

3.2 Mỗi quan hệ giữa thanh niên và nông thôn mới

3.2.1 Thái độ thanh niên về nông thôn mới

Kết quả trong Bảng 6 cho thấy số thanh niên biết về chương trình xây dựng nông thôn mới chiếm 69,7%, thanh niên chưa biết về thông tin này chiếm 30,3%. Trong đó nhóm hộ khá, giàu nắm

thông tin tương đối tốt chiếm 76,6%; nhóm hộ trung bình chiếm 74,1%; còn nhóm hộ nghèo chỉ 42,9%. Điều này cho thấy khả năng nắm thông tin xây dựng nông thôn mới của thanh niên chưa đồng đều, những thanh niên ở nhóm hộ nghèo có thể do đi làm việc xa, hay không đủ điều kiện truyền thông nên chưa nắm thông tin về xây dựng nông thôn mới.

Bảng 6: Thanh niên biết về chương trình xây dựng nông thôn mới phân theo nhóm hộ

Biết về NTM	Khá, giàu		Trung bình		Nghèo		Tổng	
	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%
Không	18	23,4	45	25,9	28	57,1	91	30,3
Biết	59	76,6	129	74,1	21	42,9	209	69,7
Tổng	77	100	174	100	49	100	300	100
Tác động								
Tiêu cực	2	2,6	1	0,6	2	4,1	5	1,7
Không	3	3,9	15	8,6	9	18,4	27	9,0
Tích cực	63	81,8	142	81,6	34	69,4	239	79,7
Cả hai	9	11,7	16	9,2	4	8,2	29	9,7
Tổng	77	100	174	100	49	100	300	100

Khi được cung cấp thông tin về xây dựng nông thôn mới, thanh niên Kiên Giang có những nhận định khác nhau về tác động của nông thôn mới đem lại. Xây dựng nông thôn mới nhằm từng bước mang lại đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn ngày càng được nâng cao, vì thế có đến 79,7% thanh niên cho rằng xây dựng nông thôn mới mang lại tác động tích cực; tuy nhiên cũng có lượng rất ít thanh niên cho rằng tác động này là tiêu cực (chỉ 1,7%); ý kiến cho rằng tác động này là bình thường không ảnh hưởng đến đời sống thanh niên chiếm 9% còn ý kiến cho rằng chương trình này vừa có tác động tích cực vừa có tác động tiêu cực là 9,7%. Đáng lưu ý nhất là nhóm

hộ nghèo, khi mà họ cho rằng xây dựng nông thôn mới có tác động tích cực chỉ 69,4%; trong khi họ cho rằng nông thôn mới không ảnh hưởng gì đến đời sống sinh kế của họ lên đến 18,4%. Như đã phân tích ở trên, những thanh niên nghèo do chưa nắm thông tin nhiều về xây dựng nông thôn mới nên họ chưa thực sự hiểu về mục đích chương trình này và cho rằng chương trình này không ảnh hưởng gì đến đời sống của họ; bên cạnh những tác động tích cực, có thanh niên còn cho rằng chương trình mang lại tác động tiêu cực là do họ phải mất một phần tài sản, cơ giới hóa được ứng dụng nhiều lại dẫn đến thất nghiệp càng nhiều, nhiều chi phí trong môi trường nông thôn mới (điện, nước, phí môi trường...), đường giao thông tốt kết hợp với

đền đường tạo điều kiện thanh niên sa vào tệ nạn xã hội (tụ tập nhậu, đua xe,...),...

Tất cả những suy nghĩ về chương trình xây dựng nông thôn mới không tác động cũng như mang lại ý nghĩa tiêu cực là do họ chưa hiểu hết về thông tin, mục đích của chương trình. Vì thế, công tác tuyên truyền xây dựng nông thôn mới là hết sức quan trọng để mỗi người dân thấy được vai trò của mình từ đó có được tinh thần và trách nhiệm hơn trong xây dựng nông thôn mới.

3.2.2 Vai trò của thanh niên trong xây dựng nông thôn mới

Sau khi chia sẻ về tác động của nông thôn mới mang lại, thanh niên thấy mình có vai trò trong xây dựng nông thôn mới. Đa số ý kiến của thanh niên cho rằng vai trò của thanh niên trong xây dựng nông thôn mới chủ yếu tập trung ở mức 3 (36,1%) và mức 4 (35,1%); ý kiến ở mức 2 chiếm 21,9%. Trong số này ta thấy như đã phân tích ở trên, do chưa hiểu được lợi ích tác động từ nông thôn mới mang lại nên bản thân thanh niên nhóm hộ nghèo cho vai trò của mình ở mức 1 là đồng nhất chiếm

14,9%. Do đó, lãnh đạo địa phương cần sử dụng có hiệu quả những chính sách trong xây dựng nông thôn mới nhằm hỗ trợ cho thanh niên nông thôn, nhất là thanh niên có gia cảnh khó khăn, để phát triển sinh kế. Từ đó, thanh niên thấy rõ lợi ích từ nông thôn mới mang lại nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm và vai trò của họ.

Nhận thấy vai trò của mình, thanh niên nông thôn thực hiện bằng nhiều hình thức góp phần xây dựng nông thôn mới. Có 57,9% ý kiến thanh niên cho rằng họ cần nâng cao kiến thức bao gồm văn hóa và nghề nghiệp; 32,4% phát triển kinh tế cho gia đình; 28,3% cần tìm hiểu thêm về nông thôn mới; 18,6% thực hiện lối sống tích cực cho xã hội, không tham gia các tệ nạn xã hội; 2,4% cho ý kiến khác. Trong đó, cần chú ý nhóm thanh niên nghèo, nhóm thanh niên này chủ yếu muốn nâng cao thêm kiến thức, phát triển kinh tế cho gia đình. Điều này làm cơ sở cho lãnh đạo địa phương có phương hướng bổ túc văn hóa, mở lớp dạy nghề và phổ triển những hình thức kinh tế giúp thanh niên hộ nghèo thích ứng hơn.

Bảng 7: Vai trò của thanh niên đối với xây dựng nông thôn mới theo nhóm hộ

Vai trò thanh niên	Khá, giàu		Trung bình		Nghèo		Tổng	
	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%	Tần số	%
Đánh giá chung								
1. Không có vai trò	1	1,3	1	0,6	7	14,9	9	3,1
2. Đóng góp hạn chế	13	17,1	40	24,2	10	21,3	63	21,9
3. Đóng góp trung bình	36	47,4	57	34,5	11	23,4	104	36,1
4. Vai trò lớn	26	34,2	59	35,8	16	34,0	101	35,1
5. Rất quan trọng	0	0,0	8	4,8	3	6,4	11	3,8
Tổng	76	100	165	100	47	100	288	100
Lĩnh vực thanh niên tham gia thực hiện								
Phát triển kinh tế	14	18,4	61	36,5	19	40,4	94	32,4
Nâng cao kiến thức	40	52,6	97	58,1	31	66,0	168	57,9
Tìm hiểu XD NTM	29	38,2	40	24,0	13	27,7	82	28,3
Lối sống tích cực	16	21,1	31	18,6	7	14,9	54	18,6
Khác	0	0	7	4,2	0	0	7	2,4
Tổng	76		167		47		290	

3.2.3 Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập thanh niên trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới

Hệ số xác định $R^2 = 0,601$ cho thấy có 60,1% sự thay đổi về thu nhập của thanh niên là do ảnh hưởng của các yếu tố về tài chính gia đình, còn đang đi học, nội trợ, tham gia CLB/THT, làm ruộng, tuổi, học nghề và diện tích đất ruộng; còn lại 39,9% chịu ảnh hưởng của các yếu tố khác không đưa vào mô hình nghiên cứu.

Hệ số tương quan bội $R = 0,775$ cho thấy có 77,5% mối tương quan giữa biến phụ thuộc và độc lập, nói cách khác thu nhập của thanh niên có quan hệ chặt chẽ với tài chính gia đình, việc đang đi học, nội trợ, tham gia CLB/THT, làm ruộng, tuổi, học nghề và diện tích đất ruộng. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy hệ số VIF của các biến đều nhỏ hơn 2 vì vậy các biến thỏa mãn không bị đa cộng tuyến.

Phân tích phương sai (ANOVA) có giá trị kiểm định $Sig. = 0,000$ rất nhỏ so với mức ý nghĩa $\alpha =$

0,05. Vì vậy, ta có thể kết luận rằng thu nhập của thanh niên phụ thuộc với tài chính gia đình, việc đang đi học, nội trợ, tham gia CLB/THT, làm ruộng, tuổi, học nghề và diện tích đất làm ruộng. Kết quả mô hình hồi quy tuyến tính được giải thích như sau: các biến tham gia CLB/THT, học nghề, diện tích đất ruộng, tuổi, tài chính gia đình có tác động tích cực đến biến thu nhập của thanh niên; các biến có làm nghề nông nghiệp, nội trợ, đang đi học có tác động tiêu cực đến biến thu nhập của thanh niên. Nói cách khác, khi thanh niên có tham

gia CLB/THT, có học nghề, sở hữu nhiều đất ruộng, số tuổi cao và tài chính gia đình nhiều làm tăng thêm thu nhập cho thanh niên; ngược lại, khi thanh niên có sản xuất nông nghiệp, có làm nội trợ, hoặc thanh niên đang đi học làm hạn chế khả năng thu nhập của họ. Vì vậy cần có những chính sách, những giải pháp tác động phù hợp vào các yếu tố trên nhằm nâng cao thu nhập cho thanh niên nông thôn góp phần xây dựng thành công nông thôn mới.

Bảng 8: Kết quả phân tích hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập thanh niên

Các yếu tố	Hệ số hồi quy	Mức ý nghĩa	VIF
Hằng số	-12,81	0,12	
Tham gia CLB/THT (có/không)	12,68	0,00	1,14
Học nghề (có/không)	5,33	0,02	1,07
Diện tích đất ruộng (ha)	2,00	0,03	1,72
Tuổi (số tuổi)	0,96	0,00	1,17
Tài chính gia đình (triệu đồng)	0,15	0,00	1,54
Nông nghiệp (có/không)	-8,44	0,00	1,28
Nội trợ (có/không)	-25,29	0,00	1,09
Đang đi học (có/không)	-28,31	0,00	1,20
R		0,775	
R ²		0,601	
Sig.		0,000	

3.2.4 Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thích ứng của thanh niên trong công nghiệp và dịch vụ khi xây dựng nông thôn mới

Kết quả nghiên cứu cho thấy - 2Log likelihood = 197,62 như vậy giá trị này đủ nhỏ để mô hình tổng thể phù hợp.

Kết quả nghiên cứu còn cho thấy mức ý nghĩa của các biến độc lập rất nhỏ hơn 0,05 do đó mô hình được giải thích như sau: các yếu tố thông tin việc làm, trình độ, hộ giàu khá, tham gia CLB/THT và kinh nghiệm làm việc có tác động tích cực đến

khả năng thích ứng của thanh niên; ngược lại, các biến tuổi, nông nghiệp có tác động tiêu cực đến khả năng thích ứng của thanh niên. Nói cách khác, khi mà thanh niên nắm bắt được thông tin việc làm, có trình độ cao, thuộc gia đình giàu khá, có tham gia CLB/THT và có kinh nghiệm làm việc càng nhiều thì khả năng thích ứng của thanh niên càng cao; ngược lại, thanh niên càng lớn tuổi, và những thanh niên có làm nông nghiệp thì khả năng thích ứng có phần hạn chế do tính bảo thủ khó chấp nhận những tiến bộ mới cũng như khả năng tiếp cận thông tin kém.

Bảng 9: Kết quả phân tích mô hình Logistic các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thích ứng của thanh niên

Yếu tố	Hệ số hồi quy (B)	Mức ý nghĩa	Exp(B)
Hằng số	4,19	0,01	66,13
Thông tin việc làm (có/không)	2,76	0,00	15,82
Trình độ	1,23	0,00	3,41
Hộ khá, giàu (có/không)	1,18	0,01	3,26
Tham gia CLB/THT (có/không)	1,18	0,04	3,26
Kinh nghiệm làm việc	0,21	0,00	1,23
Tuổi	-0,36	0,00	0,70
Nông nghiệp (có/không)	-2,21	0,00	0,11
- 2Log likelihood		197,62	
Xác suất dự đoán đúng (%)		85,60	

3.3 Đánh giá khả năng thích ứng của thanh niên

Thực tế nghiên cứu cho thấy, thanh niên là lực lượng lao động chính của xã hội, đóng vai trò quan trọng trong xây dựng nông thôn mới. Nhưng khả năng thích ứng của thanh niên trong xây dựng nông

thôn mới chưa cao, chưa phù hợp với thực tế tiềm năng, vì vậy việc phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức là rất cần thiết để đề xuất giải pháp thích hợp.

Bảng 10: Phân tích ma trận SWOT

	CƠ HỘI (O)	THÁCH THỨC (T)
SWOT	<p>O₁: Sự quan tâm của các cấp về xây dựng nông thôn mới.</p> <p>O₂: Nhiều tổ chức hỗ trợ tập huấn nghề cho thanh niên.</p> <p>O₃: Nhiều mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả của thanh niên đang được phổ triển.</p>	<p>T₁: Cạnh tranh việc làm ngày càng gay gắt.</p> <p>T₂: Xu hướng dịch chuyển lao động.</p> <p>T₃: Các hoạt động sản xuất nhỏ, lẻ ngày càng khó khăn.</p>
ĐIỂM MẠNH (S)	KẾT HỢP S+O	KẾT HỢP S+T
<p>S₁: Thanh niên Kiên Giang luôn năng động, tích cực sáng tạo trong lao động, học tập.</p> <p>S₂: Kiên Giang là tỉnh có đa ngành nghề.</p> <p>S₃: Sự phối hợp tích cực của thanh niên và các tổ chức khác.</p>	<p>S₂,S₃ + O₁,O₂: Triển khai các chương trình tập huấn nghề cho thanh niên.</p> <p>S₁,S₂,S₃ + O₃: Tích cực học hỏi, nhân rộng các mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả của thanh niên.</p>	<p>S₁,S₂,S₃ + T₁,T₂: Cung cấp thông tin việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động để đa dạng hóa ngành nghề tại địa phương.</p> <p>S₁,S₃ + T₃: Thành lập các mô hình kinh tế tập thể.</p>
ĐIỂM YẾU (W)	KẾT HỢP W+O	KẾT HỢP W+T
<p>W₁: Trình độ tay nghề của thanh niên còn thấp.</p> <p>W₂: Thiếu vốn tài chính để sản xuất kinh doanh.</p> <p>W₃: Thanh niên chưa thực sự hiểu, biết nhiều về nông thôn mới.</p>	<p>W₁, + O₂,O₃: Mở các lớp đào tạo nghề cần thiết.</p> <p>W₂ + O₃: Có chính sách ưu đãi để hỗ trợ tài chính cho các thanh niên có hoạt động sản xuất kinh doanh.</p> <p>W₃ + O₁: Tổ chức tuyên truyền sâu rộng các tầng lớp người dân về nông thôn mới.</p>	<p>W₁,W₃ + T₁,T₃: Tích cực tham gia các câu lạc bộ, tổ hợp tác, hợp tác xã, hiệp hội để hỗ trợ sản xuất, kinh doanh, kinh nghiệm.</p>

3.4 Đề xuất một số giải pháp nâng cao khả năng thích ứng của thanh niên

Trên cơ sở phân tích năm nguồn vốn sinh kế của thanh niên, các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập, yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thích ứng công nghiệp dịch vụ, kết hợp với phân tích SWOT, tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao vai trò và khả năng thích ứng của thanh niên trong xây dựng nông thôn mới:

- Cần tuyên truyền kiến thức về nông thôn mới cả chiều rộng và chiều sâu trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài, loa phát thanh, tờ rơi, khẩu hiệu, internet, sân khấu hóa hay tổ chức cuộc thi tìm hiểu nông thôn mới... cho thanh niên.

- Tổ chức đào tạo nghề cho thanh niên gắn với thị trường việc làm. Chính quyền địa phương cần tổ chức rà soát, tìm hiểu nhu cầu lao động của

các công ty, xí nghiệp... nhằm cung cấp thông tin việc làm cho thanh niên. Chất lượng lao động hiện nay là một lợi thế cạnh tranh, vì thế chính quyền địa phương cần mở các lớp đào tạo nghề phù hợp với thị trường lao động để khi học nghề xong, thanh niên có thể ứng dụng làm việc ngay.

- Hỗ trợ thanh niên tiếp cận nguồn vốn vay lãi suất thấp tạo điều kiện cho thanh niên phát triển kinh tế.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình kinh tế tập thể hiệu quả trong thanh niên.

4 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

4.1 Kết luận

Khả năng thích ứng của thanh niên trong xây dựng nông thôn mới là chưa cao. Tuy nhiên, xét về nhóm hộ thì nhóm thanh niên có gia đình khá giàu luôn ở mức tốt, kế đến là nhóm trung bình, nhóm

hộ nghèo có mức thích ứng về năm nguồn vốn sinh kế là thấp nhất.

Nghiên cứu thấy được thái độ của thanh niên đối với nông thôn mới thông qua thông tin cũng như tác động mà nông thôn mới mang lại là ở mức cao cho nên thanh niên cảm thấy vai trò của mình trong xây dựng nông thôn mới là quan trọng mặc dù con số này không phải là tuyệt đối.

Nghiên cứu cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của thanh niên bao gồm khả năng tài chính của gia đình, đang đi học, nội trợ, tham gia HTX/THT, làm nông nghiệp, độ tuổi, học nghề và diện tích đất ruộng. Nghiên cứu còn thấy rõ khả năng thích ứng về công nghiệp dịch vụ của thanh niên liên quan đến các yếu tố tuổi, tham gia HTX/THT, làm ruộng, hộ giàu khá, thông tin việc làm, trình độ và kinh nghiệm làm việc.

Thông qua kết quả phân tích năm nguồn vốn sinh kế kết hợp với phân tích SWOT, một số giải pháp được đề xuất như công tác tuyên truyền chủ yếu qua thông tin đại chúng; đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu thị trường, xây dựng và nhân rộng các mô hình kinh tế hiệu quả... nhằm nâng cao vai trò và khả năng thích ứng của thanh niên trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới.

4.2 Đề xuất

Cần nghiên cứu thêm các mô hình kinh tế thanh niên hiệu quả cụ thể nhằm phổ triển rộng rãi cho thanh niên.

Cần nhiều nghiên cứu về khả năng thích ứng cũng như vai trò của các tổ chức và các đối tượng khác trong xây dựng nông thôn mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Thủ tướng Chính phủ, 2009. Quyết định số 491/QĐ-TTg, ngày 16/4/2009 về việc “Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về NTM”, truy cập ngày 23/9/2014. Địa chỉ: http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=85403.
- Thủ tướng Chính phủ, 2010. Quyết định số 800/QĐ-TTg, ngày 04/6/2010 về việc “Phê duyệt Chương trình MTQG về xây dựng NTM giai đoạn 2010 – 2020”, truy cập ngày 23/9/2014. Địa chỉ: http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=95073.